

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
Đợt thi: Tháng 09/2026

Môn thi: Lý thuyết chuyên môn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp	Ghi chú
1	001	Phạm Hữu	Phúc	16/04/2002	2.54				CĐKS27N26	
2	002	Mai Quốc	Bình	05/06/2002	3.45				CĐKS27N27	
3	003	Dương Thị Thanh	Thúy	15/12/2003	4.40				CĐKS29N01	
4	004	Phạm Thị Xuân	Mai	27/06/2004	3.70				CĐKS29N02	
5	005	Thạch Gia Bảo	Khang	14/10/2004	4.80				CĐKS29N05	
6	006	Huỳnh Nhật	Nam	20/07/2004	3.99				CĐKS29N05	
7	007	Phạm Thị Xuân	Sang	18/11/2004	5.30				CĐKS29N06	
8	008	Nguyễn Cao Ngọc	Trâm	14/08/2003	4.40				CĐKS29N13	
9	009	Hoàng Thị Ngọc	Trinh	02/03/2004	5.30				CĐKS29N14	
10	010	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21/08/2003	4.95				CĐKS29N15	
11	011	Phạm Lê Quốc	Hung	06/09/2003	6.15				CĐKS30N01	
12	012	Nguyễn Thanh	Sang	22/12/2004	5.25				CĐKS30N01	
13	013	Phạm Thị Hồng	Nhi	13/06/2005	3.90				CĐKS30N02	
14	014	Phan Thảo	Ngân	02/07/2005	5.25				CĐKS30N02	
15	015	Võ Trần Thị Thanh	Trúc	11/11/2005	6.85				CĐKS30N03	
16	016	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	19/10/2005	7.10				CĐKS30N05	
17	017	Trần Thụy Thi	Nhân	17/11/2005	3.85				CĐKS30N05	
18	018	Bùi Thị Thanh	Thứ	12/09/2005	3.74				CĐKS30N05	
19	019	Nguyễn Minh	Khang	01/04/2005	5.75				CDKS30N06	
20	020	Nguyễn Thị Phương	Linh	31/08/2005	6.65				CDKS30N06	
21	021	Hoàng Hoài	Phương	11/06/2005	4.85				CDKS30N06	
22	022	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/04/2005	3.39				CDKS30N06	
23	023	Trịnh Vũ Mai	Hân	13/05/2005	4.65				CDKS30N09	
24	024	Nguyễn Huỳnh Thanh	Vy	08/03/2004	5.10				CDKS30N09	
25	025	Nguyễn Thị Như	Ý	06/10/2005	4.40				CDKS30N09	
26	026	Thạch Đoàn	Dương	25/12/2005	3.5	0.0			CĐKS30N04	
27	027	Phạm Huỳnh Đoan	Kiến	15/09/2004	2.60	3.50	3.33		CĐKS30N04	
28	028	Nguyễn Thảo	Nguyên	18/08/2005	4.50	5.50			CĐKS30N05	
29	029	Trương Văn	Thông	09/12/2002	3.3	4.9	4.70		CDKS28N12	
30	030	Lê Thanh Hoàng	Hà	02/12/2000	0.0				CDKS29N08	